TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/10/2019*,* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù giam tại Trại giam Nam Hà, Bộ Công an. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng tháng 11/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi, không quan tâm đến vợ đang mang thai; không chịu làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn; chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Tháng 5/2015 anh H đi đánh nhau và bị xử phạt 8 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Khi anh H chấp hành hình phạt tù tại trại giam Nam Hà, chị có vào thăm

anh H; qua nói chuyện thì cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2014; hiện đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do anh H đang chấp hành án phạt tù.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn; chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh ham chơi, không quan tâm đến vợ con, không chịu khó làm ăn. Ngày 09/5/2015 anh bị Công an bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 08 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Nay chị N kiện ly hôn, anh xác định trong thời gian anh đi tù chị N có vào thăm nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng không còn do vậy anh đồng ý ly hôn chị N. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Nam Hà nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án tại Toà án vì vậy anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về con chung: Anh và chị N có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2014; hiện đang sống cùng chị N. Ly hôn, anh đề nghị giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do đang chấp hành án phạt tù.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn; anh tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh H; giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2014 cho chị Ng nuôi dưỡng; anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N, anh H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà, Bộ Công an do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến cuối năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi rượu chè cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Tháng 9/2014 anh H bị xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc"; chấp hành xong hình phạt lại phạm tội mới; tháng 01/2016 bị xử phạt 08 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Trong thời gian anh H chấp hành hình phạt tù, chị N nhiều lần vào thăm nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được khắc phục.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H xảy ra đã lâu; mặc dù hai người đã nói chuyện, trao đổi với nhau nhiều lần nhưng cả hai đều thấy không còn tình cảm yêu thương nhau và mong muốn được ly hôn nhau do vậy khả năng đoàn tụ không còn. Mặc dù anh chị đều có nguyện vọng ly hôn nhau nhưng do anh H đang chấp hành hình phạt tù nên không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vì vậy xử cho chị N ly hôn anh H là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung, chị N và anh H có một con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2014; hiện đang sống cùng chị N. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của anh chị để chị N được quyền nuôi dưỡng cháu T, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn; do chị N, anh H đều tự nguyện không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H; giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2014 cho chị N nuôi dưỡng; anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002376 ngày 30/8/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N phải nộp. Chị N đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị N biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)